TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-06-2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Trong ngày 29 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 441/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc " *Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1022/2026/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 06 năm 2026;

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Thế B (H, B), sinh năm: 1993; Hộ chiếu số: A03530275 do Bộ N1 cấp ngày 08/02/2022; Địa chỉ: G S, L, NV H, Hoa Kỳ. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh T, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: Tổ 18 (HK) TKĐ, phường T, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Hoàng Thế B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 29/9/2022. Sau khi kết hôn, do tính chất công việc nên ông B trở lại Hoa Kỳ để tiếp tục sinh sống, làm việc còn bà T thì ở Việt Nam. Thời gian ban đầu, cuộc sống hôn nhân giữa ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T vẫn hạnh phúc, vui vẻ. Tuy nhiên, thời gian sau thì cả hai dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Đồng thời, vì khoảng cách địa lý, cả hai không sống cạnh nhau nên dần phát sinh việc nghi ngờ, ghen tuông, không tin tưởng nhau. Ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T cũng đã nhiều lần cố gắng nói chuyện, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đến tháng 02/2024, ông B về Việt Nam và tiếp tục cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả gì. Sau đó, ông B trở lại Hoa Kỳ để tiếp tục làm việc, còn bà T vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Song, những bất đồng, mâu thuẫn vẫn liên tục xảy ra. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, không còn liên lạc gì với nhau từ tháng 04/2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy, ông Hoàng Thế B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn với bà Phạm Thị Quỳnh T.

- Về con chung: Ông Hoàng Thế B xác định không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Thế B xác định không có.

- Ông B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án mà vắng mặt ông. Đồng thời, ông B trình bày do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và trầm trọng, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông B đề nghị Tòa án rút ngắn thời gian xét xử vụ án để sớm ổn định được cuộc sống riêng của mình.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Thế B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 29/9/2022. Sau thời gian chung sống thì đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn chơi, bia rượu. Nay ông B yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông B xác định không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông B xác định ông và bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Đồng thời bà T trình bày hiện nay mâu thuẫn giữa bà và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà Tiên đề N Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Bà T cũng thống nhất ly hôn với ông B nên đề nghị tòa án Tòa án rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đã được Lãnh sự quán Việt Nam tại N, Hoa Kỳ chứng thực ngày 12/10/2025, nộp đến Tòa án ngày 28/11/2025 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết nuôi con, không có tài sản chung, không có nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự) và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn*".

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh T có địa chỉ tại: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Nguyên đơn ông Hoàng Thế B, bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T tự nguyện kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66, đăng ký ngày 29/9/2022. Do đó, hôn nhân giữa ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Thế B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, thì ông B quay trở lại Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc, còn bà T thì vẫn tiếp tục sống tại Đà Nẵng. Sau khoảng thời gian là vợ chồng với nhau, ông B và bà T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cải vã; hơn nữa do khoảng cách địa lý nên dần phát sinh việc nghi ngờ, ghen tuông, không còn tin tưởng nhau. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 04/2025 đến nay, hai bên không còn liên lạc, không còn sự quan tâm nhau. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Hoàng Thế B được ly hôn với bà Phạm Thị Quỳnh T.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Thế B và bà Phạm Thị Quỳnh T xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Thế B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272, 273, 469, 478, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế B đối với bà Phạm Thị Quỳnh T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hoàng Thế B được ly hôn với bà Phạm Thị Quỳnh T.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66, đăng ký ngày 29/9/2022 tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Thế B xác định không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Thế B phải chịu là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006927 ngày 10-12-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Thế B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh T vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Kiều Trang